

**DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI VÀ HƯỞNG CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN
KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2015**

(Kèm theo Quyết định số: 1122 /QĐ-DHCN ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch HĐTS Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Họ và tên		Ngày sinh (dd/mm/yy)	Phái	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Hệ Đại học		Ngành dự thi	Học BSKT (TC)	Ưu tiên		Ghi chú
						Huyện	Tỉnh	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo			Miễn NN	ƯT KV	
(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Nguyễn Ngọc	Cương	03/06/1992	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	KTCK	CQ	KTCK				
2	Đỗ Thế	Quang	27/06/1978	Nam	Kinh	Sông Công	Thái Nguyên	KTCK	CQ	KTCK				
3	Nguyễn Xuân	Thủy	05/10/1992	Nam	Kinh	Quốc Oai	Hà Nội	KTCK	CQ	KTCK				
4	Lại Văn	Thuyền	01/11/1983	Nam	Kinh	Đông Anh	Hà Nội	KTCK	VLVH	KTCK				Đã học BSKT
5	Ma văn	Tuân	20/08/1981	Nam	Tày	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	KTCK	CQ	KTCK				
6	Nguyễn Ngọc	Anh	20/02/1992	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
7	Phạm Văn	Cường	10/04/1986	Nam	Kinh	Kiến Thụy	Hải Phòng	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
8	Đoàn Văn	Duy	10/10/1993	Nam	Kinh	Phù Cừ	Hưng Yên	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
9	Đặng Trần	Nhàn	02/09/1981	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
10	Trần Vũ	Ninh	16/05/1986	Nam	Kinh	Tiền Hải	Thái Bình	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
11	Lê Hồng	Phong	03/09/1961	Nam	Kinh	Tĩnh Gia	Thanh Hóa	Cơ khí	CQ	KTCKĐL	11			
12	Lê Hoàng	Quân	21/12/1990	Nam	Kinh	Tây Hồ	Hà Nội	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
13	Phạm Anh	Tú	29/07/1991	Nam	Kinh	Ân Thi	Hưng Yên	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
14	Phạm Văn	Vũ	22/06/1983	Nam	Kinh	Gia Lộc	Hải Dương	CNKT Ô tô	CQ	KTCKĐL				
15	Nguyễn Văn	Công	07/02/1990	Nam	Kinh	Sóc Sơn	Hà Nội	ĐTVT	CQ	KTĐT				
16	Nguyễn Thị	Hồng	19/02/1985	Nữ	Kinh	Lương Tài	Bắc Ninh	Điện - ĐT	CQ	KTĐT	6	Miễn		Bằng ĐH
17	Tạ Quốc	Hùng	03/01/1984	Nam	Kinh	Thái Thụy	Thái Bình	ĐTVT	CQ	KTĐT				
18	Lê Quang	Nghĩa	20/07/1993	Nam	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	CNKT ĐT	CQ	KTĐT				
19	Nguyễn Thị	Nhung	07/12/1990	Nữ	Kinh	Ứng Hòa	Hà Nội	ĐTVT	CQ	KTĐT		Miễn		Bằng ĐH
20	Trần Huy	Phương	15/05/1989	Nam	Kinh	Lý Nhân	Hà Nam	KT Điện - ĐT	CQ	KTĐT	8			
21	Nguyễn Đức	Tuấn	11/3/1989	Nam	Kinh	Gia Bình	Bắc Ninh	CNKT ĐTTT	CQ	KTĐT				
22	Phan Hoàng	Tùng	07/05/1982	Nam	Kinh	Hoàng Mai	Hà Nội	ĐTTH	VLVH	KTĐT	6			
23	Trần	Tuyên	13/08/1990	Nam	Kinh	TP. Thái Bình	Thái Bình	CNKT Điện	CQ	KTĐT	8			

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
24	Phạm Quang	Vinh	26/12/1977	Nam	Kinh	Ba Đình	Hà Nội	CNKT ĐT	CQ	KTĐT				
25	Nguyễn Thị Vân	Anh	06/12/1993	Nữ	Kinh	Sóc Sơn	Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
26	Phan Đình	Huân	15/03/1983	Nam	Kinh	Văn Lâm	Hưng Yên	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
27	Đỗ Thị	Huệ	17/03/1981	Nữ	Kinh	Quảng Xương	Thanh Hóa	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
28	Lý Việt	Hưng	17/10/1985	Nam	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	KTHH	CQ	KTHH				
29	Trần Thị	Hương	10/08/1988	Nữ	Kinh	Hiệp Hòa	Bắc Giang	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
30	Đặng Thị Thu	Hương	13/10/1993	Nữ	Kinh	Hạ Long	Quảng Ninh	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
31	Nguyễn Thu	Hương	14/4/1993	Nữ	Kinh	TP. Yên Bái	Yên Bái	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
32	Nguyễn Thương	Huyền	12/9/1989	Nữ	Kinh	Chương Mỹ	Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
33	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	24/12/1984	Nữ	Kinh	Thái Nguyên	Thái Nguyên	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
34	Phùng Minh	Lượng	11/04/1988	Nam	Kinh	Tĩnh Gia	Thanh Hóa	KTMT	CQ	KTHH	14			
35	Phạm Thị	Mai	20/05/1985	Nữ	Kinh	Ý Yên	Nam Định	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
36	Đinh Hồng	Ngọc	05/11/1993	Nữ	Kinh	Duy Tiên	Hà Nam	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
37	Nguyễn Thị Tú	Oanh	11/10/1976	Nữ	Kinh	Cầu giấy	Hà Nội	Hóa	VLVH	KTHH	11			
38	Phan Thị Kim	Phượng	10/03/1993	Nữ	Kinh	Hưng Nguyên	Nghệ An	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
39	Nguyễn Thị Lệ	Quyên	02/06/1989	Nữ	Kinh	Sóc Sơn	Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
40	Nguyễn Đăng	Quyết	24/02/1993	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
41	Đỗ Văn	Sáng	16/11/1969	Nam	Kinh	Đống Đa	Hà Nội	MT	VLVH	KTHH	20			
42	Nguyễn Đình	Thiện	06/01/1992	Nam	Kinh	Việt Trì	Phú Thọ	SP HH	CQ	KTHH	8			
43	Đàm Thanh	Thư	01/06/1993	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	CNKT Hóa	CQ	KTHH				
44	Nguyễn Tuấn	Anh	24/12/1982	Nam	Kinh	Hoàn Kiếm	Hà Nội	TC-NN	CQ	Kế toán	9	Miễn		TOEIC
45	Vũ Mai	Anh	05/08/1993	Nữ	Kinh	Q. Bắc Từ Liêm	Hà Nội	TC-NN	CQ	Kế toán	9			
46	Nguyễn Huỳnh	Anh	09/05/1989	Nữ	Kinh	TP. Thanh Hóa	Thanh Hóa	TC-NN	CQ	Kế toán	9			
47	Nguyễn Phương	Anh	28/08/1989	Nữ	Kinh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán		Miễn		Bảng ĐH
48	Vũ Thị Ngọc	Ánh	17/09/1990	Nữ	Kinh	Phúc Thọ	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
49	Vũ Đình	Bách	16/09/1993	Nam	Kinh	P. Thống Nhất	TP Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán				
50	Nguyễn Quốc	Bình	22/11/1970	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
51	Lê Huyền	Châm	04/03/1989	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
52	Nguyễn Thị Thùy	Chi	27/12/1989	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
53	Phan Thị	Chung	12/05/1977	Nữ	Kinh	Việt Trì	Phú Thọ	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
54	Nguyễn Minh	Đức	27/10/1986	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	HTTTQL	CQ	Kế toán	9			
55	Ngô Minh	Đức	13/12/1993	Nam	Kinh	Hiệp Hòa	Bắc Giang	Kế toán	CQ	Kế toán				
56	Phùng Thị	Dung	29/12/1992	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
57	Phạm Thị Thúy	Dung	22/12/1989	Nữ	Kinh	Vinh	Nghệ An	Kế toán	CQ	Kế toán				
58	Cao Thị Hà	Giang	31/07/1983	Nữ	Kinh	TX Cửa Lò	Nghệ An	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
59	Lương Hà	Giang	08/09/1984	Nam	Kinh	Đoan Hùng	Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán		Miễn		Chứng chỉ B1
60	Kiều Thị	Hà	01/02/1981	Nữ	Kinh	Quốc Oai	Hà Nội	Kế toán	Từ xa	Kế toán	7			
61	Ngô Thị	Hạnh	15/06/1990	Nữ	Kinh	Tân Yên	Bắc Giang	Kế toán	CQ	Kế toán				
62	Bùi Thị Thu	Hằng	12/05/1987	Nữ	Mường	Tứ Kỳ	Hải Dương	Kế toán	CQ	Kế toán				
63	Nguyễn Thị	Hào	24/9/1983	Nữ	Kinh	Hà Đông	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
64	Hoàng Thị	Hào	27/02/1992	Nữ	Kinh	Mỹ Lộc	Nam Định	Kế toán	CQ	Kế toán				
65	Hoàng Thu	Hiền	04/02/1993	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
66	Nguyễn	Hiếu	26/11/1984	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
67	Nguyễn Thị Phương	Hoa	25/08/1984	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
68	Bùi Thu	Hoài	07/10/1991	Nữ	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
69	Nguyễn Thị	Hồng	05/10/1983	Nữ	Kinh	Gia Viễn	Ninh Bình	Kế toán	CQ	Kế toán				
70	Đoàn Thị Hồng	Huế	10/07/1991	Nữ	Kinh	Mê Linh	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
71	Nguyễn Thị	Huệ	03/05/1985	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
72	Nguyễn Mạnh	Hùng	26/12/1980	Nam	Kinh	Hương Sơn	Hà Tĩnh	Kế toán	CQ	Kế toán				
73	Nguyễn Thị Mai	Hương	15/9/1983	Nữ	Kinh	Ba Đình	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
74	Nguyễn Thị Thu	Huyền	18/10/1986	Nữ	Kinh	Nhân Chính	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
75	Bùi Thu	Huyền	17/06/1988	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
76	Phạm Thị	Huyền	05/10/1992	Nữ	Kinh	Ninh Bình	Ninh Bình	Kế toán	CQ	Kế toán				
77	Bùi Thị	Huyền	04/10/1989	Nữ	Kinh	TP. Thái Bình	Thái Bình	Kế toán	CQ	Kế toán				
78	Trần Trung	Kiên	05/02/1992	Nam	Kinh	Hưng Hà	Thái Bình	Kế toán	CQ	Kế toán				
79	Lương Cát	Lâm	03/03/1991	Nam	Kinh	TP. Bắc Ninh	Bắc Ninh	Kế toán	CQ	Kế toán				
80	Phan Thị Hương	Lan	28/09/1991	Nữ	Kinh	Việt Trì	Phú Thọ	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
81	Nguyễn Thị	Loan	22/05/1988	Nữ	Kinh	Quế Võ	Bắc Ninh	QTKD	CQ	Kế toán	9	Miễn		IELTS

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
82	Trần Thị	Mai	01/10/1989	Nữ	Kinh	Thanh Trì	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
83	Lại Huy	Mạnh	04/09/1979	Nam	Kinh	Hà Đông	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán				Đã học BSKT
84	Nguyễn Thị Hồng	Minh	07/11/1991	Nữ	Kinh	Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
85	Nguyễn Thị	Năm	05/02/1985	Nữ	Kinh	Chương Mỹ	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
86	Nguyễn Thị Ánh	Ngọc	18/01/1987	Nữ	Kinh	Q. Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
87	Trần Văn	Nhân	10/11/1978	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	TC-NN	VLVH	Kế toán	9			
88	Cao Thị	Nhiên	07/07/1981	Nữ	Kinh	Q. Hà Đông	Hà Nội	QTKD	CQ	Kế toán	9	Miễn		Bằng ĐH
89	Ngô Thị Minh	Phương	10/01/1988	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
90	Trần Thị	Phương	05/02/1993	Nữ	Kinh	Lý Nhân	Hà Nam	Kế toán	CQ	Kế toán				
91	Nguyễn Trần	Phương	28/08/1983	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán				Đã học BSKT
92	Ngô Thị	Phượng	28/07/1989	Nữ	Kinh	Kinh Môn	Hải Dương	Kế toán	CQ	Kế toán				
93	Nguyễn Văn	Quý	27/01/1985	Nam	Kinh	Hai Bà Trưng	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán		Miễn		Chứng chỉ B1
94	Trần Thị	Quyên	05/01/1984	Nữ	Kinh	Đông Hưng	Thái Bình	Kế toán	CQ	Kế toán				
95	Hà Minh	Tâm	15/01/1985	Nữ	Kinh	Q. Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
96	Nguyễn Thị	Thái	24/10/1986	Nữ	Kinh	Hà Đông	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
97	Hoàng Xuân	Thanh	15/06/1993	Nam	Tày	TP. Lạng Sơn	Lạng Sơn	TC-NN	CQ	Kế toán	9			
98	Nguyễn Tiến	Thành	01/10/1993	Nam	Kinh	TX Phú Thọ	Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán				
99	Nguyễn Thị	Thảo	21/05/1985	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
100	Bùi Thị	Thạo	02/09/1991	Nữ	Kinh	Ninh Giang	Hải Dương	Kế toán	CQ	Kế toán				
101	Nguyễn Thị Ngọc	Tháp	20/01/1981	Nữ	Kinh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	Kinh tế	VLVH	Kế toán				Đã học BSKT
102	Nguyễn Tiến	Thụ	20/12/1980	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
103	Phạm Thị	Thúy	24/04/1990	Nữ	Kinh	Quảng Xương	Thanh Hóa	Kế toán	CQ	Kế toán				
104	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	03/07/1979	Nữ	Kinh	Q. Bắc Từ Liêm	Hà Nội	Kế toán	VLVH	Kế toán				Đã học BSKT
105	Lương Thị	Thủy	27/06/1990	Nữ	Kinh	Phù Yên	Sơn La	Kế toán	CQ	Kế toán				
106	Nguyễn Thị Bích	Thủy	05/09/1978	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	TC-NN	CQ	Kế toán				Đã học BSKT
107	Lê Thị Ngọc	Trâm	09/11/1992	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	HTTTQL	CQ	Kế toán		Miễn		TOEIC
108	Giang Thị Thu	Trang	07/05/1985	Nữ	Kinh	Ba Vì	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				
109	Đặng Thị Huyền	Trang	17/04/1983	Nữ	Kinh	Việt Trì	Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán				
110	Đặng Thị	Trang	23/10/1990	Nữ	Kinh	Phúc Thọ	Hà Nội	Kế toán	CQ	Kế toán				

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
111	Trần Thị	Trang	20/12/1993	Nữ	Kinh	Cẩm Phả	Quảng Ninh	Kế toán	CQ	Kế toán				
112	Phạm Thu	Trang	16/12/1991	Nữ	Kinh	Vũ Thư	Thái Bình	Kế toán	CQ	Kế toán		Miễn		Bằng ĐH
113	Hoàng Ngọc	Tùng	24/01/1993	Nam	Kinh	Hai Bà Trưng	Hà Nội	QTKD	CQ	Kế toán	9	Miễn		TOEIC
114	Nguyễn Thị	Tuyết	06/05/1987	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	TC-NN	CQ	Kế toán	9			
115	Ngô Thị Khánh	Vân	01/11/1992	Nữ	Kinh	Sơn Tây	Hà Nội	TC-NN	CQ	Kế toán	9			
116	Lê Thị	Vui	29/07/1984	Nữ	Kinh	TP Phú Lý	Hà Nam	KT N. nghiệp	CQ	Kế toán	9			
117	Nguyễn Quốc	Vương	26/11/1983	Nam	Kinh	Hưng Hà	Thái Bình	Kế toán	VLVH	Kế toán	7			
118	Nguyễn Đình	Vượng	20/11/1978	Nam	Kinh	Quế Võ	Bắc Ninh	Kế toán	VLVH	Kế toán				Đã học BSKT
119	Phùng Thị Hương	Xuân	22/08/1990	Nữ	Kinh	TX Phú Thọ	Phú Thọ	Kế toán	CQ	Kế toán				
120	Nguyễn Trường	An	17/12/1991	Nam	Kinh	Việt Trì	Phú Thọ	QTKD	CQ	QTKD				
121	Dương Thế	Anh	01/12/1993	Nam	Kinh	Thuận Châu	Sơn La	QTKD	CQ	QTKD				
122	Trần Minh	Châu	02/11/1993	Nam	Kinh	TP Nam Định	Nam Định	QTKD	CQ	QTKD				
123	Hoàng Chí	Công	27/11/1993	Nam	Kinh	Hai Bà Trưng	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
124	Nguyễn Kỳ	Đăng	21/12/1986	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD	11			
125	Vũ Tuấn	Đạt	29/4/1986	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	VLVH	QTKD	11			
126	Đặng Thị	Dịu	01/09/1979	Nữ	Kinh	Cầu Giấy	Hà Nội	Tiếng Anh	VLVH	QTKD	21	Miễn		Bằng ĐH
127	Đỗ Quốc	Đoàn	01/08/1979	Nam	Kinh	Văn Giang	Hưng Yên	CKCT	CQ	QTKD				Đã học BSKT
128	Nguyễn Ngọc	Dũng	28/07/1987	Nam	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	QTKD	Từ xa	QTKD	7			
129	Nguyễn Trí	Dũng	27/01/1984	Nam	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	KTN.Nghiệp	CQ	QTKD				Đã học BSKT
130	Nguyễn Thu	Hà	06/12/1993	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD	11			
131	Nguyễn Thị	Hằng	17/09/1983	Nữ	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	VLVH	QTKD	11			
132	Đỗ Thị	Hằng	02/12/1985	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
133	Phạm Thị	Hạnh	19/06/1990	Nữ	Kinh	Hữu Lũng	Lạng Sơn	KT BCVT	CQ	QTKD	11			
134	Cần Đức	Hạnh	20/07/1978	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	Chuyên tu	QTKD	11			
135	Đỗ Thị	Hiệp	04/01/1988	Nữ	Kinh	Phúc Thọ	Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD	11			
136	Vũ Trung	Hiếu	02/05/1982	Nam	Kinh	Cầu Giấy	Hà Nội	Tin VT	CQ	QTKD	21			
137	Trần Duy	Hợi	02/08/1976	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	Điện	VLVH	QTKD	21			
138	Phạm Thị Ánh	Hồng	06/11/1993	Nữ	Kinh	Vũ Thư	Thái Bình	QTKD	CQ	QTKD				
139	Nguyễn Việt	Hưng	25/07/1984	Nam	Kinh	Tây Hồ	Hà Nội	XD C.trình	VLVH	QTKD	21			

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
140	Nguyễn Quang	Hưng	05/07/1989	Nam	Kinh	Từ Liêm	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD				Đã học BSKT
141	Trần Quang	Huy	29/05/1982	Nam	Kinh	Ba Đình	Hà Nội	CNTT	CQ	QTKD	21			
142	Phan Thị Thanh	Huyền	06/02/1976	Nữ	Kinh	Sơn Tây	Hà Nội	TC-NN	VLVH	QTKD	11	Miễn		Bằng ĐH
143	Tô Thị Thu	Huyền	15/05/1985	Nữ	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	VLVH	QTKD	11			
144	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	28/11/1985	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD				Đã học BSKT
145	Nguyễn Thị	Lý	21/11/1988	Nữ	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD	11			
146	Đặng Anh	Minh	21/02/1982	Nam	Kinh	Sông Lô	Vĩnh Phú	KTC. trình	VLVH	QTKD	21			
147	Đặng Huy	Minh	11/05/1983	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
148	Phạm Thị Ngọc	Minh	21/06/1983	Nữ	Mường	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
149	Đỗ Như	Mỹ	28/05/1986	Nam	Kinh	Nam Từ Liêm	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
150	Lê Thị Quỳnh	Nga	05/03/1978	Nữ	Kinh	Hạ Hòa	Phú Thọ	QTKD	VLVH	QTKD	7			
151	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	18/05/1986	Nữ	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD	11			
152	Phạm Xuân	Ninh	23/05/1988	Nam	Kinh	Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Kế toán	CQ	QTKD				Đã học BSKT
153	Khuất Văn	Phú	03/01/1992	Nam	Kinh	Thanh Ba	Phú Thọ	QTKD DL	CQ	QTKD	7			
154	Nguyễn Thị Thu	Phương	21/09/1985	Nữ	Kinh	Q. Hà Đông	TP Hà Nội	Tiếng Anh	VLVH	QTKD	21	Miễn		Bằng ĐH
155	Trần Thị	Phương	24/04/1993	Nữ	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	QTKD DL	CQ	QTKD	7			
156	Nguyễn Minh	Sang	20/08/1982	Nam	Tày	Vị Xuyên	Hà Giang	Luật	VLVH	QTKD	21		ƯT	Ưu tiên KV
157	Phạm Hải	Sơn	17/09/1973	Nam	Kinh	Thanh Xuân	Hà Nội	Kế toán	VLVH	QTKD	11			
158	Nguyễn Quang	Sơn	22/2/1982	Nam	Kinh	Thạch Thất	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	7			
159	Nguyễn Trọng	Tài	03/05/1982	Nam	Kinh	Hương Sơn	Hà Tĩnh	THQL	Từ xa	QTKD	21			
160	Nguyễn Minh	Tâm	10/11/1990	Nam	Kinh	Thanh Thủy	Phú Thọ	QTKD	CQ	QTKD				
161	Nguyễn Tất	Thắng	15/09/1978	Nam	Kinh	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	TC-TD	CQ	QTKD	11	Miễn		Bằng ĐH
162	Hoàng Tiến	Thanh	27/05/1982	Nam	Kinh	Phúc Thọ	Hà Nội	Kinh tế	CQ	QTKD				Đã học BSKT
163	Nguyễn Phương	Thảo	20/07/1993	Nữ	Kinh	Yên Sơn	Tuyên Quang	QTKD	CQ	QTKD		Miễn		Chứng chỉ B1
164	Nguyễn Tiến	Thịnh	01/05/1982	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD	11			
165	Trần Thị	Thịnh	18/11/1983	Nữ	Kinh	Yên Phong	Bắc Ninh	Kế toán	VLVH	QTKD	11			
166	Nguyễn Minh	Thúy	06/09/1992	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	Kế toán	CQ	QTKD	11			
167	Hoàng Thị	Thúy	30/01/1990	Nữ	Kinh	Hoài Đức	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
168	Lê Trần	Tiến	21/03/1992	Nam	Kinh	Vĩnh Yên	Vĩnh Phúc	QTKD	CQ	QTKD				

(1)	(2)		(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
169	Nguyễn Văn	Tình	13/11/1989	Nam	Kinh	Quốc Oai	Hà Nội	TC-NN	CQ	QTKD				Đã học BSKT
170	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/11/1985	Nữ	Kinh	Ứng Hòa	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD				
171	Phạm Đình	Trọng	30/12/1983	Nam	Kinh	Gia Lâm	Hà Nội	CNTT	VLVH	QTKD	21			
172	Tạ Việt	Trung	17/08/1978	Nam	Kinh	Đan Phượng	Hà Nội	QTKD	CQ	QTKD	7	Miễn		Chứng chỉ B1
173	Hoàng Anh	Tuấn	14/10/1977	Nam	Tày	Hai Bà Trưng	Hà Nội	XD DD&CT	CQ	QTKD	11			
174	Nguyễn Thị Mai	Xuân	09/03/1975	Nữ	Kinh	Đống Đa	Hà Nội	QTKD	VLVH	QTKD	7			
175	Đinh Hải	Yến	28/08/1991	Nữ	Kinh	Gia Viễn	Ninh Bình	QTKD	CQ	QTKD				

Bảng thống kê

Ngành dự tuyển	Số lượng	Nam	Nữ	Miễn NN	Ưu tiên khu vực và dân tộc (UTKV)	Học BSKT
KTCK	5	5	0	0	0	0
KTCKĐL	9	9	0	0	0	1
KTĐT	10	8	2	2	0	4
KTHH	19	6	13	0	0	4
Kế toán	76	20	56	9	0	22
QTKD	56	33	23	6	1	34
Tổng	175	81	94	17	1	65

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý

DANH SÁCH THÍ SINH KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI
KỲ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ ĐỢT 2 NĂM 2015

(Kèm theo Quyết định số: 1122 /QĐ-ĐHCN ngày 28 tháng 9 năm 2015 của Chủ tịch HĐTS Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Họ và tên	Ngày sinh (dd/mm/yy)	Phái	Dân tộc	Hộ khẩu thường trú		Hệ Đại học		Ngành dự thi	Học BSKT (TC)	Ưu tiên		Ghi chú
					Huyện	Tỉnh	Chuyên ngành đào tạo	Hệ đào tạo			Miễn NN	ƯT KV	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Phạm Hùng Phương	23/10/1983	Nam	Kinh	Tam Dương	Vĩnh Phúc	QTKD	Từ xa	QTKD	7			Không hoàn thành học BSKT
2	Ngô Thị Thúy Hà	04/10/1979	Nữ	Kinh	Thanh Xuân	Hà Nội	QTTCKT	VLVH	Kế toán	7			
3	Vũ Hoàng Lan	05/11/1979	Nữ	Kinh	Sông Công	Thái Nguyên	KTĐN	CQ	Kế toán	9			

Tổng số 3 Thí sinh

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
TS. Trần Đức Quý